

Số : 13/2013/NQ-HĐND

Định Quán, ngày 18 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch thu NSNN trên địa bàn và
dự toán thu - chi ngân sách địa phương huyện Định Quán năm 2014

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ về việc ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Xét tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện về kế hoạch thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2014; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và tổng hợp các ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp thứ 7;

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Nhất trí kế hoạch thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2014 theo nội dung tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Định Quán, gồm một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn: 84.991 triệu đồng,

Trong đó:

a) Theo phân cấp ngân sách:

- Nhiệm vụ thu cấp huyện 63.478 triệu đồng chiếm 74,7%;

- Nhiệm vụ thu cấp xã 21.513 triệu đồng chiếm 25,3%.

b) Phân theo nguồn:

- Các khoản thu cân đối NSNN : 82.300 triệu đồng,

bao gồm:

+ Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: 46.000 triệu đồng;

+ Lệ phí trước bạ:	9.700 triệu đồng;
+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	1.300 triệu đồng;
+ Thuế thu nhập cá nhân:	6.500 triệu đồng ;
+ Thu phí, lệ phí :	2.500 triệu đồng
(trong đó : trong cân đối 1.500 triệu đồng).	
+ Thu tiền sử dụng đất:	8.700 triệu đồng;
+ Thu từ quỹ đất công, hoa lợi công sản...của xã:	600 triệu đồng;
+Thu khác ngân sách:	7.000 triệu đồng
(trong đó: thu khác NS 3.371 triệu, thu xử phạt ATGT 3.629 triệu đồng).	
- Các khoản thu để lại quản lý qua NS	2.691 triệu đồng,
bao gồm:	
+ Thu quỹ Quốc phòng – An ninh	1.545 triệu đồng;
+ Thu ghi thu quỹ học phí	1.146 triệu đồng.

2. Dự toán thu – chi ngân sách địa phương:

a) Thu Ngân sách địa phương: 594.337 triệu đồng,

bao gồm:

- Các khoản thu trong cân đối ngân sách: 591.646 triệu đồng,

trong đó:

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ điều tiết: 41.401 triệu đồng;

+ Thu kết dư ngân sách năm trước 8.624 triệu đồng;

+ Tiền sử dụng đất NS huyện được hưởng: 3.480 triệu đồng;

+ Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 538.141 triệu đồng

(trong đó: chuyển giao về cấp xã: 58.215 triệu đồng).

- Các khoản thu quản lý qua ngân sách 2.691 triệu đồng,

bao gồm:

+ Thu Quỹ Quốc phòng – An ninh 1.545 triệu đồng;

+ Ghi thu quỹ học phí 1.146 triệu đồng.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 594.337 triệu đồng,

trong đó:

- Theo phân cấp ngân sách:

+ Chi ngân sách cấp huyện: 521.097 triệu đồng chiếm 87,6%;

+ Chi ngân sách cấp xã 73.240 triệu đồng chiếm 12,4%.

- Phân theo nguồn:

+ Chi cân đối ngân sách: 591.646 triệu đồng (trong đó: chi đầu tư phát triển: 86.480 triệu đồng, chi thường xuyên: 493.808 triệu đồng và chi dự phòng ngân sách: 11.358 triệu đồng);

+ Chi quản lý qua ngân sách: 2.691 triệu đồng (trong đó: chi quỹ Quốc phòng – An ninh: 1.545 triệu đồng và chi quỹ học phí: 1.146 triệu đồng)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao cho Ủy ban nhân dân huyện căn cứ các quy định pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân sách hiện hành tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2014, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Định Quán khoá X kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/12/2013.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày được Hội đồng nhân dân huyện thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại huyện;
- Sở Tư pháp Đồng Nai;
- Thường trực huyện uỷ;
- Ban thường trực UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Thường trực HĐND và UBND các xã, TT;
- Lưu: VT – TH.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Phước

TỜ TRÌNH

Về dự toán thu NSNN trên địa bàn và dự toán thu – chi ngân sách địa phương năm 2014

Căn cứ điều 4 Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/06/2003 của Chính Phủ về xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số: 4059/QĐ-UBND ngày 10/12/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014;

Căn cứ Quyết định số: 401/QĐ-STC ngày 10/12/2013 của Giám đốc sở Tài chính Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước- chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2014;

Trên cơ sở số liệu ước thực hiện thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2013 và kế hoạch phát triển Kinh tế – Xã hội, An ninh – Quốc phòng trên địa bàn huyện năm 2014; UBND huyện Định Quán lập tờ trình, trình HĐND huyện khóa X kỳ họp thứ 7 về dự toán thu Ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn và dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2014 của huyện Định Quán như sau:

I./ Dự toán thu NSNN trên địa bàn:	84.991 triệu đồng
<i>(đính kèm phụ lục số 01)</i>	
- Nhiệm vụ thu cấp huyện	63.478 triệu đồng chiếm 74,7%
- Nhiệm vụ thu cấp xã	21.513 triệu đồng chiếm 25.3%
1. Các khoản thu cân đối NSNN :	82.300 triệu đồng
- Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh:	46.000 triệu đồng
- Lệ phí trước bạ:	9.700 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	1.300 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân:	6.500 triệu đồng
- Thu phí, lệ phí :	2.500 triệu đồng
+ Trong đó : Trong cân đối 1.500 triệu đồng.	
- Thu tiền sử dụng đất:	8.700 triệu đồng
- Thu từ quỹ đất công, hoa lợi công sản...của xã:	600 triệu đồng
- Thu khác ngân sách:	7.000 triệu đồng
+ Trong đó: Thu khác NS 3.371 triệu, Thu xử phạt ATGT 3.629 triệu đồng	
2. Các khoản thu để lại quản lý qua NS	2.691 triệu đồng
- Thu quỹ Quốc phòng – An ninh	1.545 triệu đồng
- Thu ghi thu quỹ học phí	1.146 triệu đồng

II./ Dự toán thu – chi ngân sách địa phương

1. Thu Ngân sách địa phương: 594.337 triệu đồng

(đính kèm phụ lục cân đối)

1.1/ Các khoản thu trong cân đối ngân sách: 591.646 triệu đồng

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ điều tiết: 41.401 triệu đồng
- + Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 21.930 triệu đồng
- + Các khoản thu được hưởng 100%: 19.471 triệu đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước 8.624 triệu đồng
- Tiền sử dụng đất NS huyện được hưởng: 3.480 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 538.141 triệu đồng

Trong đó: Chuyển giao về cấp xã 58.215 triệu đồng

1.2/ Các khoản thu quản lý qua ngân sách 2.691 triệu đồng

- Thu Quỹ Quốc phòng – An ninh 1.545 triệu đồng
- Ghi thu quỹ học phí 1.146 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 594.337 triệu đồng

(đính kèm phụ lục số 02)

- Chi ngân sách cấp huyện: 521.097 triệu đồng chiếm 87,6%
- Chi ngân sách cấp xã 73.240 triệu đồng chiếm 12,4%

2.1./ Chi cân đối ngân sách: 591.646 triệu đồng

2.1.1./ Chi đầu tư phát triển: 86.480 triệu đồng

- Nguồn NS tập trung : 83.000 triệu đồng
- Nguồn khai thác quỹ đất 3.480 triệu đồng

2.1.2./ Chi thường xuyên: 493.808 triệu đồng

- Chi sự nghiệp kinh tế: 40.293 triệu đồng

Trong đó: SN nông nghiệp: 11.748 triệu đồng; Lâm nghiệp 250 triệu đồng; Thủy lợi 2.630 triệu đồng; Giao thông 3.000 triệu đồng; Kiến thiết thị chính 2.150 triệu đồng; Địa chính 3.027 triệu đồng; Môi trường 17.228 triệu đồng; SN khác 260 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 295.356 triệu đồng
- Chi sự nghiệp Y tế: 800 triệu đồng
- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 800 triệu đồng
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 4.553 triệu đồng
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 1.704 triệu đồng
- Chi sự nghiệp thể thao: 1.112 triệu đồng
- Chi đảm bảo xã hội: 36.969 triệu đồng
- Chi quản lý hành chính: 78.234 triệu đồng
- Chi an ninh – quốc phòng: 21.487 triệu đồng
- Chi khác ngân sách: 3.876 triệu đồng
- Chi trả nợ ngân sách tỉnh 8.624 triệu đồng
- 2.1.3/ Dự phòng ngân sách : 11.358 triệu đồng**

- Ngân sách cấp huyện	9.550 triệu đồng
- Ngân sách cấp xã	1.808 triệu đồng
2.2/ Chi quản lý qua ngân sách	2.691 triệu đồng
- Chi quỹ Quốc phòng – An ninh	1.545 triệu đồng
- Ghi chi quỹ học phí	1.146 triệu đồng

III/ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về thu ngân sách nhà nước:

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 84,9 tỷ đồng, trong đó thu trong cân đối ngân sách 82,3 tỷ đồng bằng 95% so thực hiện năm 2013.

Trong đó:

- Thuế CTN-NQD: 46,0 tỷ đồng tăng 5% so thực hiện năm 2013;
- Thuế thu nhập cá nhân: 6,5 tỷ đồng bằng 100% so thực hiện năm 2013.
- Thuế trước bạ: 9,7 tỷ đồng tăng 5% so thực hiện năm 2013.
- Tiền sử dụng đất: 8,7 tỷ đồng bằng 60% so thực hiện năm 2013.
- Thu khác ngân sách: 7,0 tỷ đồng trong đó thu phạt hành chính, thu bán tài sản thanh lý, tài sản tịch thu sung công 3,37 tỷ đồng, từ nguồn thu phạt lĩnh vực ATGT 3,63 tỷ đồng.

* Giải pháp thực hiện dự toán thu ngân sách:

Để tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu ngân sách năm 2014, UBND huyện đề ra các giải pháp cụ thể như sau:

- Đối với thuế CTN-NQD: Xác định đây là nguồn thu chủ yếu chiếm 56% tổng dự toán 2014.

+ Ngành thuế phải có kế hoạch giao dự toán thu cụ thể hàng tháng, quý tới các đội thuế quản lý trực tiếp và thường xuyên kiểm tra đôn đốc tình hình thực hiện kế hoạch được giao đánh giá mức độ hoàn thành.

+ Quản lý kịp thời thuế GTGT đối với mặt hàng nông sản điều nguyên liệu, đây là nguồn chủ yếu đối với thuế CTN-NQD.

+ Chỉ đạo ngành thuế thực hiện lập hồ sơ khoán thuế theo đúng quy trình của Tổng cục thuế; thực hiện lập bộ thuế khoán phải phản ánh đúng thực tế kinh doanh, công bằng, hợp lý đảm bảo hoàn thành dự toán thu năm 2014.

+ Quản lý và khai thác thuế trong hoạt động kinh doanh thời vụ các dịch vụ cho thuê mặt bằng, thuê tài sản, kinh doanh vận tải, thuế XDCCB nhà tư nhân, thuế XDCCB các dự án do ngân sách đầu tư, thuế vãng lai từ nguồn vốn ngân sách, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản như: Cơ sở sản xuất nước đóng chai, mặt nước chuyên dùng, khai thác đất, đá, cát.

+ Ngành thuế chủ động thiết lập đầy đủ hồ sơ nợ đọng thuế thuộc diện phải cưỡng chế theo đúng quy định, tham mưu ban hành quyết định cưỡng chế.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện kiểm tra về việc kê khai về đất phi nông nghiệp, nhất là đất ở kê khai phát sinh lập bộ năm 2013 đưa vào quản lý thu trong năm 2014.

- Đối với thuế TNCN, lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất: Thực hiện công khai nghĩa vụ tài chính và thông báo đến người sử dụng đất về nghĩa vụ tài

chính, đẩy nhanh tiến độ phát giấy để thu thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất.

+ Cơ quan thuế phối hợp với cơ quan Công an về việc thực hiện nộp thuế trước bạ nơi cư trú theo quy định của Luật để quản lý thu tốt nguồn thuế trước bạ từ chuyển dịch động sản ô tô, xe máy.

- Quản lý và xử lý nợ thuế: Tăng cường các biện pháp quản lý, xử lý nợ thuế nhất là các biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản đối với hộ, Doanh nghiệp có khả năng nộp thuế nhưng cố tình dây dưa kéo dài, kiểm tra xử lý dứt điểm nợ khó thu phân đầu giảm nợ xuống 5% so với tổng số thu ngân sách.

- Chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tổ chức bán đấu giá các khu đất đã tính toán đưa vào khai thác để tái đầu tư và trả nợ cho ngân sách tỉnh.

2. Về chi ngân sách:

Về nhiệm vụ chi năm 2014 căn cứ trên cơ sở chỉ tiêu của tỉnh giao và định mức phân bổ trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2011-2015); Tuy nhiên do tình hình trượt giá, mức lương cơ sở và các chính sách, chế độ thay đổi, UBND huyện xin điều chỉnh một số nội dung phân bổ chi thường xuyên cho phù hợp thực tế trong năm ngân sách năm 2014 và giai đoạn năm 2014-2015 của huyện Định Quán;

Tiếp tục chú trọng tăng tỷ trọng chi cho đầu tư cho phát triển, tập trung cho các dự án kiên cố hóa trường lớp và đầu tư hạ tầng xã điểm xây dựng nông thôn mới, giải quyết đầy đủ các chính sách và chế độ an sinh xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa huyện.

Đảm bảo cơ cấu chi theo chỉ tiêu định hướng của tỉnh như: Chi đầu tư XD CB tập trung về chi đầu tư giáo dục (kiên cố hóa trường lớp), chương trình 135 giai đoạn II; dự án cây con chủ lực, hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp giáo dục & đào tạo...

2.1 Chi cho đầu tư phát triển:

Tập trung ưu tiên thanh toán nợ các dự án, các công trình chuyển tiếp, các dự án xây dựng hạ tầng các xã điểm xây dựng nông thôn mới, các công trình thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp giai đoạn II, bố trí vốn trả nợ vay ngân sách tỉnh.

2.2 Về chi thường xuyên :

Tổng chi thường xuyên năm 2014 là 493,8 tỷ chiếm 83,1% tổng chi NSDP trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 40,3 tỷ đồng chiếm 8,2% tổng chi thường xuyên ngân sách; tập trung bố trí vốn cho sự nghiệp môi trường, đảm bảo phân bổ theo kế hoạch tỉnh bố trí đồng thời bố trí phân cấp về xã 1,07 tỷ đồng; duy tu sửa chữa các tuyến đường GTNT huyện quản lý, sự nghiệp nông nghiệp, địa chính, còn lại bố trí cho kiến thiết thị chính, hỗ trợ thủy lợi.

- Về chi sự nghiệp, Quản lý hành chính, các khoản chi khác:

Về định mức phân bổ: Trên cơ sở định mức phân bổ năm 2013 và giai đoạn 2013-2015, bổ sung quỹ tiền lương tăng lương theo Nghị định 66/2013/NĐ-CP, có sự điều chỉnh chi hoạt động thường xuyên cho phù hợp thực tế, tuy nhiên không vượt quá định mức phân bổ của tỉnh.

2.3 Về điều hành ngân sách:

- Việc điều hành ngân chi ngân sách bám sát dự toán của Hội đồng Nhân dân huyện giao để điều hành, hạn chế tối đa kinh phí phát sinh, bổ sung ngoài dự toán. Việc bổ sung chi thường xuyên phải thật sự cấp bách, phải đảm bảo được nguồn cân đối; Tăng cường chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, các đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công theo quy định của pháp luật; chú trọng triển khai thực hiện luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính đối với ngân sách huyện, xã, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư XDCB có sử dụng vốn ngân sách, các quỹ có nguồn từ NSNN và các khoản đóng góp của nhân dân, phát huy thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, tiêu cực trong quản lý tài chính -- NSNN.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính đối với cấp huyện, xã trong lĩnh vực quản lý NSNN.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ các giải pháp tạo nguồn để cải cách tiền lương năm 2014:

+ Sử dụng 50% tăng thu thực hiện năm 2013 so với dự toán năm 2013 của cấp huyện, xã;

+ Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2014.

+ Thực hiện tiết kiệm chi 10% số chi thường xuyên (trừ tiền lương, phụ cấp và các khoản chi mang tính chất lương).

- Đối với cấp xã, thị trấn tiếp tục thực hiện cơ chế khoán chi quản lý hành chính theo Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND tỉnh.

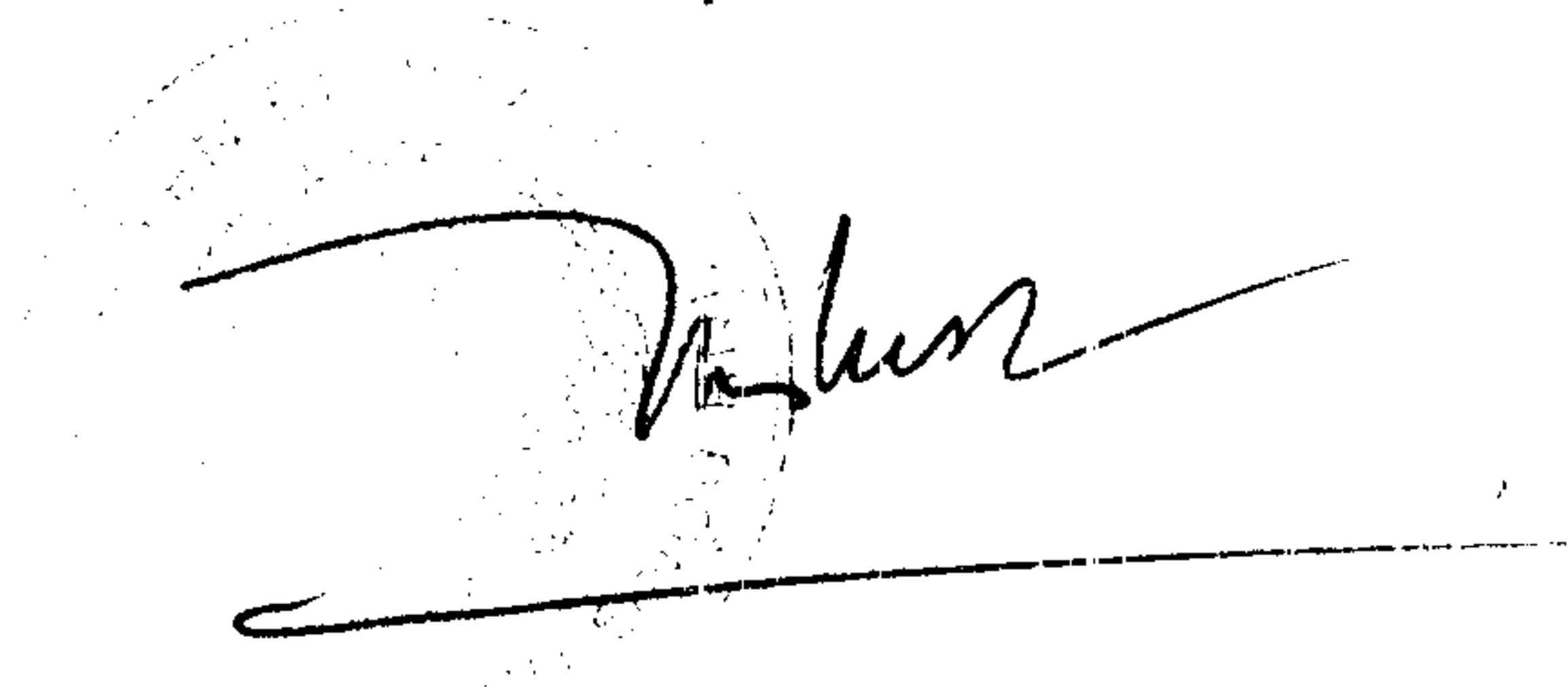
- Bố trí từ nguồn kết dư ngân sách năm 2013 trả nợ khoản vốn vay kiến cố hóa kênh mương năm 2009-2013 phải trả trong năm 2014 là 8,6 tỷ đồng.

Trên đây là tờ trình về kế hoạch thu NSNN sách trên địa bàn và dự toán thu – chi ngân sách địa phương; UBND huyện kính trình xin ý kiến đại biểu HĐND huyện và xem xét phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- TT.huyện ủy;
- TT. HĐND Huyện;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch;
- Đại biểu HĐND;
- Ban kinh tế Ngân sách;
- Các phòng ban QLNN;
- UBND các xã, Thị Trấn;
- Chánh, phó văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Yên

CÂN ĐỐI MỤC TÀI KHOẢN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014

Kèm theo tờ trình số: 161/TT-UBND ngày 12/12/2013 của UBND huyện

Đơn vị: Triệu đồng

PHẦN THU	Thu NS năm 2014			PHẦN CHI	Chi NS năm 2014		
	Tổng	NS huyện	NS xã		Tổng	NS huyện	NS xã
TỔNG THU = (A + B)	594.337	521.097	73.240	TỔNG CHI = (A+B)	594.337	521.097	73.240
A/ Tổng thu c/dối NS ĐP	591.646	519.951	71.695	A/ Tổng chi c/dối NS ĐP	591.646	519.951	71.695
1. Các kh/ thu đ/tiết cho NS ĐP	21.929	17.108	4.822	1. Chi đầu tư phát triển	86.480	85.480	1.000
2. Các kh/ thu 100% NS ĐP	19.471	10.813	8.658	- Chi XD CB đầu tư trung	83.000	82.000	1.000
4. Thu kết dư năm trước	8.624	8.624	-	- Chi ĐT từ nguồn K khác quỹ đất	3.480	3.480	-
5. Thu nguồn khai thác quỹ đất	3.480	3.480	-	- Chi từ nguồn hỗ trợ GTNT	-	-	-
6. Thu viên trợ	-	-	-	- Chi chương trình mục tiêu	-	-	-
7. Thu b/sung từ NS cấp trên	538.141	479.926	58.215	- Chi ĐT nguồn NS hỗ trợ điện	-	-	-
- B/sung cân đối NS	538.141	479.926	58.215	- Chi ĐT phát triển khác	-	-	-
- B/sung có mục tiêu	-	-	-	2. Chi trả nợ gốc, lãi vay ngân sách	-	-	-
- B/sung khác	-	-	-	3. Chi thường xuyên	485.184	416.297	68.887
8. Thu từ NS cấp dưới nộp lên	-	-	-	4. Chi b/sung ngân sách cấp dưới	-	-	-
I/Tồn quỹ trong NS sách	-	-	-	5. Chi dự phòng NS	11.358	9.550	1.808
B/Khoản thu QL qua NSNN	2.691	1.146	1.545	6. Chi nộp nã nợ NS cấp trên	8.624	8.624	-
1. Các khoản thu huy động đ/g	-	-	-	B/ Các khoản chi QL qua NSNN	2.691	1.146	1.545
- Nguồn XHH GTNT	-	-	-	1. Chi ĐT XD CB	-	-	-
- Nguồn XD Điện	-	-	-	- Từ nguồn XHH GTNT	-	-	-
- Nguồn vận động khác	-	-	-	- Từ nguồn Điện	-	-	-
2. Thu nguồn ghi thu học phí	1.146	1.146	-	- Từ nguồn khác	-	-	-
3. Thu b/sung nguồn NDDG	-	-	-	2. Chi thường xuyên	2.691	1.146	1.545
- B/sung nguồn Số số kiên thiết	-	-	-	- Chi An ninh (ATGT 10%)	-	-	-
- Thu b/sung ATGT (10%)	-	-	-	- Chi SNGDyc (ghi chi Học Phí)	-	-	-
- Thu b/sung nguồn XHHGTNT	-	-	-	- Chi OP- AN	1.545	1.146	1.545
- Thu khác	-	-	-	- Ghi chi quỹ học phí	1.146	1.146	-
5. Thu quỹ An ninh - QP	1.545	-	-	3. Chi b/sung từ nguồn NDDG	-	-	-
6. Thu kết dư nguồn NDDG	-	-	-	- Chi b/sung nguồn XHHGD	-	-	-
I/Tồn quỹ từ nguồn đ/góp	-	-	-	- Chi b/sung nguồn ATGT (10%)	-	-	-
CTổng Cộng (I+II)	-	-	-	4. Chi chuyên nguồn NDDG	-	-	-

Ngày ... tháng 12 năm 2013

Chủ tịch UBND Huyện

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014

(Kèm theo Tờ trình số: 161/TTr-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN		Tỷ lệ % TH/KH (2013)	DỰ TOÁN N. 2014		Tỷ lệ % DT/TH (2014)
		DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DT HỖND HUYỆN GIAO	TH 10 Thg/ 2013	UTH N2013		DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DT HỖND HUYỆN	
	1	2	3	4	5	7=5/3	6	7	7
1	TỔNG THU NSNN (A+B)	79.000	79.000	88.932	96.578	122%	82.000	84.991	88%
2	A. TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN:	79.000	79.000	78.990	86.636	110%	82.000	82.300	95%
3	Nhiệm vụ thu ngân sách Huyện, Xã								
5	1. Thuế CTN NQD	46.500	46.500	41.018	43.950	95%	46.000	46.000	105%
6	- Thuế giá trị gia tăng	39.500	39.500	35.571	38.000	96%	40.400	40.400	106%
7	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000	3.000	2.197	2.500	83%	2.200	2.200	88%
8	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	400	400	279	370	93%	400	400	108%
9	- Thuế Tài nguyên	500	500	348	400	80%	400	400	100%
10	- Thuế Môn bài	2.000	2.000	2.322	2.322	116%	1.800	1.800	78%
11	- Thu khác về thuế	1.100	1.100	301	358	33%	800	800	223%
12	2. Lệ phí trước bạ	10.500	10.500	7.839	9.200	88%	9.700	9.700	105%
13	3. Thuế nhà đất; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800	800	1.328	1.500	188%	1.000	1.300	87%
14	4. Thu tiền sử dụng đất	7.500	7.500	13.464	14.400	192%	8.700	8.700	60%
15	5. Thu phí, lệ phí	1.900	1.900	2.245	2.500	132%	2.500	2.500	100%
16	6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			236	236		0	0	0%
17	7. Thuế chuyển quyền sử dụng đất			0					
18	8. Tiền thuê mặt đất, mặt nước			0					
19	9. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... xã	800	800	1.328	1.350	169%	600	600	44%
20	10. Thuế thu nhập cá nhân	7.000	7.000	5.965	6.500	93%	6.500	6.500	100%
21	11. Thu khác ngân sách	4.000	4.000	5.567	7.000	175%	7.000	7.000	100%
22	B. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH	0	0	9.942	9.942		0	2.691	27%
23	1. Thu quỹ An ninh - Quốc phòng			800	800			1.545	193%
24	2. Các khoản thu về XHH			9.142	9.142				0%
25	- Giao thông nông thôn			7.206	7.206				
26	- Xây cầu xã Gia Canh (Hội CTĐ tỉnh Đồng Nai HT)			932	932				
27	- Điện			1.004	1.004				
28	- Nước			0					
29	- Văn hóa thông tin			0				1.146	
30	3. Ghi thu quỹ học phí								
31	- Khác								
32	4. Các khoản thu quản lý qua ngân sách khác								

- Định Quán, ngày 13/12/2013

CHỦ TỊCH

DỰ TOÁN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014

(Kèm theo Tờ trình số 161 /TT-UBND ngày 13 /12/2013 của UBND huyện)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

ST T	CHỈ TIÊU	Nhiệm vụ thu của xã	Trong đó																Nhiệm vụ thu của Huyện	TỔNG CỘNG
			PHÚ HÒA	PHÚ TÂN	PHÚ VINH	PHÚ LỢI	GIA CANH	TTĐQ	THAN HSON	NGỌC ĐÌNH	PHÚ NGỌC	LA NGÀ	PHÚ TỨC	TỨC TRUNG	PHÚ CƯỜNG	SUỐI NHỎ				
	TỔNG THU	15.025	486	441	904	1.183	1.068	2.962	750	647	1.101	1.184	1.106	1.054	1.111	1.027	32.547	47.571		
I	Thu cân đối NSNN	13.486	440	371	818	1.090	928	2.696	644	599	960	1.054	988	974	995	922	31.401	44.880		
1	Thuế CTN-NQD	7.165	178	136	453	676	540	1.855	215	218	513	524	554	292	524	486	17.765	24.929		
	Thuế GTGT (51%)	4.618	143	72	265	477	177	1.248	146	152	344	340	363	187	358	345	15.986	20.604		
	Thuế TNNDN (51%)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.121	1.121		
	Thuế tiêu thu đặc biệt (51%)	204	0	8	36	42	4	57	0	14	5	4	14	6	9	5	0	204		
	Thuế tài nguyên	400	0	6	24	0	274	58	6	0	0	0	10	2	14	6	0	400		
	Thuế môn bài	1.800	33	47	118	142	79	440	59	48	152	171	158	93	136	124	0	1.800		
	Thu khác CTN	143	2	3	10	14	6	52	4	3	12	9	10	4	7	7	657	800		
2	Lệ phí trước bạ	2.710	115	135	90	190	167	314	30	263	257	256	193	298	164	238	6.990	9.700		
	Thuế sử dụng đất phi NN	1.300	14	22	114	113	73	282	86	21	84	79	95	127	153	37	0	1.300		
4	Tiền sử dụng đất	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.480	3.480		
5	Phí và lệ phí	1.090	40	45	90	50	65	110	60	45	80	110	110	110	90	85	410	1.500		
	Thu hao lợi công sản, quỹ đất công	430	60	0	0	0	12	64	110	19	0	30	9	91	25	10	170	600		
7	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
8	Thu khác ngân sách	785	33	33	71	61	71	71	143	33	26	55	27	56	39	66	2.586	3.371		
II	Thu quản lý qua NS	1.545	46	70	86	93	140	266	106	48	141	130	118	80	116	105	1.146	2.691		
	- Thu quỹ QP - AN	1.545	46	70	86	93	140	266	106	48	141	130	118	80	116	105		1.545		
	- Ghi thu quỹ học phí																1146	1.146		

SỔ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH

CÁC XÃ, THỊ TRẤN ĐỊNH QUẢN NĂM 2014

(Kèm theo Tờ trình số: 161 / TTr-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách Xã	Số bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã, Thị trấn thuộc huyện			Trong đó
					Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7
1	UBND xã Phú Hòa	763	486	3.909	3.423	3.423		
2	UBND xã Phú Tân	534	441	4.730	4.289	4.289		
3	UBND xã Phú Vinh	1.387	904	4.758	3.854	3.854		
4	UBND xã Phú Lợi	1.952	1.183	4.562	3.379	3.379		
5	UBND xã Gia Canh	1.347	1.068	5.501	4.433	4.433		
6	UBND Thị Trấn ĐQ	4.539	2.962	5.957	2.995	2.995		
7	UBND xã Thanh Sơn	918	750	6.322	5.573	4.573	1.000	
8	UBND xã Ngọc Định	842	647	3.971	3.324	3.324		
9	UBND xã Phú Ngọc	1.654	1.101	4.886	3.785	3.785		
10	UBND xã Ia Ngà	1.681	1.184	5.210	4.026	4.026		
11	UBND xã Phú Túc	1.631	1.106	5.176	4.070	4.070		
12	UBND xã Túc Trung	1.360	1.054	4.860	3.806	3.806		
13	UBND xã Phú Cường	1.510	1.111	5.034	3.923	3.923		
14	UBND xã Suối Nho	1.395	1.027	4.856	3.828	3.828		
15	Dự nguồn điều hành chung			3.507	3.507	3.507		
TỔNG SỐ		21.513	15.025	73.240	58.215	57.215	1.000	0

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014

(Kèm theo Tờ trình số: 161/TT-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

S TT	Chỉ Tiêu	NĂM 2013					NĂM 2014					
		DỰ TOÁN N2013		THỰC HIỆN N2013		Tỷ lệ %	Dự toán tỉnh giao	Dự toán UBND	Trong đó			
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND giao	Thực hiện 10 tháng	Ước TH năm 2013				UTH / HĐND	UTH / CƯNG KỲ	NS huyện	NS xã
1	2	3	4=5+6	5	6	8=6/4	9=6/CK	3	4=5+6			
	Tổng chi NSDP (A + B)	620.370	638.525	490.486	645.214	101%	124%	582.722	594.337	521.097	73.240	
A	Các khoản chi cân đối ngân sách DP	615.014	633.169	488.010	634.040	100%	122%	582.722	591.646	519.951	71.695	
I	Chi đầu tư phát triển	84.951	103.106	107.283	135.781	132%	155%	86.480	86.480	85.480	1.000	
1	Chi từ nguồn XDCB tập trung	81.951	81.951	79.383	96.726	118%	124%	83.000	83.000	82.000	1.000	
2	Chi từ nguồn khai thác quỹ đất	3.000	3.000	3.000	3.000	100%		3.480	3.480	3.480		
3	Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ GTNT			14.200	18.155	100%						
4	Chi ĐT kiến cơ hóa kênh mương từ nguồn vay ưu đãi			10.700	17.900							
II	Chi thường xuyên	517.666	517.666	380.727	497.104	96%	115%	484.884	493.808	424.921	68.887	
1	Chi trả nợ NS tỉnh								8.624	8.624		
2	Chi sự nghiệp kinh tế	44.616	44.616	23.209	43.566	98%	212%	42.006	40.293	35.729	4.564	
	- Chi sự nghiệp nông nghiệp	11.594	11.594	3.486	12.047	104%	431%		11.748	8.257	3.491	
	- Chi sự nghiệp lâm nghiệp	350	350	138	320	91%	173%		250	250		
	- Chi sự nghiệp thủy lợi	2.603	2.603	3.435	3.603	138%	412%		2.630	2.630		
	- Chi sự nghiệp giao thông	12.082	12.082	2.914	10.183	84%	262%		3.000	3.000		
	- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	2.594	2.594	1.395	2.387	92%	113%	2.300	2.150	2.150		
	- Chi sự nghiệp địa chính	3.550	3.550	2.706	3.260	92%	161%		3.027	3.027		
	- Chi sự nghiệp công nghiệp											
	- Chi sự nghiệp quản lý môi trường	11.200	11.200	8.156	10.766	96%	360%	17.200	17.228	16.155	1.073	
	- Chi sự nghiệp khác	643	643	979	1.000	156%	18%		260	260		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	323.683	323.683	231.583	311.440	96%	119%	295.356	295.356	295.356		
	- Chi sự nghiệp giáo dục	317.645	317.645	229.132	306.067	96%	119%	290.386	290.386	290.386		
	- Chi sự nghiệp đào tạo + bồi dưỡng	6.038	6.038	2.451	5.373	89%	140%	2.570	2.570	2.570		
	- Chi sự nghiệp đào tạo dạy nghề NT							2.400	2.400	2.400		

